

- 1 Hoàn thiện pháp luật về ĐTM, ĐMC của Việt Nam nhìn từ kinh nghiệm Trung Quốc
- 4 Yêu cầu bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường: khoảng cách giữa quy định và thực thi



- 6 Hiến pháp 2013 ghi nhận Quyền con người đối với môi trường
- 9 Quy định mới về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

- 22 Luật Đất đai sửa đổi được Quốc hội thông qua



Bản tin CHÍNH SÁCH

Trung tâm
CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN
SỐ 12, QUÝ IV/2013

Tài nguyên ♦ Môi trường ♦ Phát triển bền vững

ISSN 0866 - 7810

Hoàn thiện pháp luật về ĐTM, ĐMC của Việt Nam nhìn từ kinh nghiệm Trung Quốc



Công trường xây dựng thủy điện Trung Sơn, Thanh Hóa - Ảnh: Trịnh Lê Nguyễn/PanNature

VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (ĐTM), ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC (ĐMC) CỦA VIỆT NAM LẬU NAY VẪN BỊ XEM LÀ CÒN NHIỀU HẠN CHẾ Ở CẢ KHUNG PHÁP LÝ VÀ KHẤU THỰC THI. ĐỂ HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ VỀ ĐTM, ĐMC, VIỆC NGHIÊN CỨU VÀ HỌC HỎI KINH NGHIỆM QUỐC TẾ LÀ RẤT QUAN TRỌNG. BÀI VIẾT SAU¹ SẼ TRÌNH BÀY MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CHO VIỆC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT VỀ ĐTM, ĐMC NHÌN TỪ KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC, NƠI ĐTM ĐÃ ĐƯỢC ÁP DỤNG TỪ NĂM 1979.

QUY ĐỊNH VỀ CHUYÊN MÔN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI LẬP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

Trình độ chuyên môn của người lập báo cáo(BC) ĐMC, ĐTM chưa được pháp luật Việt Nam quy định cụ thể và chặt chẽ. Theo đó, quy trình lập BC ĐMC không có quy định bắt buộc về trình độ chuyên môn, còn ĐTM chỉ quy định về điều kiện của tổ chức lập BC. ▶

1. Bài viết được thực hiện dựa trên nghiên cứu "Pháp luật về đánh giá môi trường – Nhìn từ góc độ Luật So sánh và Luật Quốc tế" – Nguyễn Minh Đức, Đoàn Nhật Minh, Đặng Thị Hải Yến (tháng 4 năm 2012).

- ▶ Trong khi đó, pháp luật Trung Quốc tiếp cận vấn đề rất chặt chẽ. Cụ thể, tất cả các BC ĐMC và ĐTM đều phải được lập bởi người có chứng chỉ hành nghề. Chứng chỉ hành nghề còn được chia thành 2 loại A và B, trong đó loại A được phép lập BC ĐTM và ĐMC cho tất cả các dự án, còn loại B chỉ được phép lập BC ĐTM ở cấp địa phương. Muốn có chứng chỉ, một cá nhân phải trải qua kỳ thi do nhà nước tổ chức và 4 năm một lần phải thi lại để được gia hạn.

Hiện nay, dự thảo Luật BVMT sửa đổi của Việt Nam đã có quy định về chứng chỉ hành nghề đối với các đối tượng cung cấp dịch vụ lập BC ĐTM. Tuy nhiên, các quy định tương tự đối với BC ĐMC và về thi sát hạch, cấp, quản lý chứng chỉ và trách nhiệm cá nhân của người có chứng chỉ vẫn chưa được làm rõ. Vì vậy, quy định rõ ràng các BC ĐMC và ĐTM phải được lập bởi người có chứng chỉ do cơ quan có thẩm quyền cấp thông qua quy trình sát hạch chặt chẽ phải được đưa vào trong Luật BVMT sửa đổi sắp tới.

Thêm vào đó, việc gắn trách nhiệm cho người lập BC ĐMC và ĐTM là vô cùng quan trọng. Cần xác định rõ mỗi BC ĐTM và ĐMC phải do một cá nhân có chứng chỉ hành nghề chịu trách nhiệm chính, tránh tình trạng trách nhiệm tập thể (như nhóm tư vấn) hoặc trách nhiệm tổ chức (như công ty tư vấn). Cá nhân này sẽ bị tước thẻ hành nghề nếu vi phạm các quy định về tiêu chuẩn nghề nghiệp do Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) hoặc do tổ chức nghề nghiệp chuyên môn ban hành.

ĐẢM BẢO SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN

Sự tham gia của cộng đồng là yếu tố bắt buộc trong pháp luật về ĐTM tại hầu hết các quốc gia trên thế giới. Sự tham gia này thường được thể hiện trong nhiều giai đoạn: tham vấn ý kiến rộng rãi khi lập BC, tự do góp ý trong khâu thẩm định BC và giám sát việc thực hiện BC.

Luật pháp Trung Quốc đảm bảo sự tham gia của người dân vào bốn giai đoạn: lập BC, thẩm định BC, lập BC thực hiện và giám sát thực hiện. Trong đó, với quá trình lập BC ĐTM và ĐMC, chủ dự án phải tham vấn ý kiến rộng rãi của người dân; đối với quá trình tham vấn, cơ quan thẩm định phải công bố công khai các báo cáo. Tất cả các ý kiến được tiếp thu hoặc từ chối đều phải được giải trình và được lưu kèm với BC. Kết thúc giai đoạn xây dựng BC, chủ dự án phải lập BC Thực hiện. BC này cũng phải được tham vấn ý kiến của người dân trước khi gửi cho cơ quan nhà nước để

giám sát. Người dân cũng có quyền phản ánh trực tiếp đến cơ quan giám sát về những sai sót của chủ dự án trong quá trình xây dựng dự án. Cuối cùng, toàn bộ nội dung và các tài liệu liên quan nêu trên đều phải được lưu trữ và người dân có quyền tiếp cận miễn phí.

Pháp luật Việt Nam cần phải xác định rõ nguyên tắc và cơ chế tham gia của cộng đồng và phải đảm bảo sự tham gia này trong cả ba giai đoạn lập, thẩm định và giám sát thực hiện BC ĐTM và ĐMC. Các BC ĐMC cũng phải quy định sự tham gia của cộng đồng, thậm chí mạnh mẽ hơn so với BC ĐTM vì ngoài tính chất đặc biệt quan trọng của ĐMC, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch (CQK) thường xác định về mặt địa điểm, khu vực, quy mô, công suất mà sau này các dự án sẽ phát triển. Đây là yếu tố đặc biệt quan trọng và phù hợp với mối quan tâm và trình độ góp ý của người dân.

Pháp luật cũng cần quy định việc tham vấn rộng rãi qua các hình thức văn bản, gặp mặt và đăng tải trên mạng internet trong quá trình lập báo cáo đánh giá. Cần có quy định rõ ràng về việc lưu trữ và báo cáo trung thực tất cả các ý kiến, không chỉ của người dân mà cả các ý kiến của chuyên gia. Giai đoạn thẩm định và phê duyệt BC, cơ quan thẩm định có nghĩa vụ tiếp thu tất cả các ý kiến đóng góp. Toàn bộ tài liệu do chủ đầu tư nộp phải được công bố rộng rãi trên mạng internet kèm với khoảng thời gian thẩm định cùng đầu mỗi tiếp nhận và phản hồi, giải trình đối với các ý kiến.

Cuối cùng, sau khi BC được phê duyệt, tất cả các hồ sơ của chủ đầu tư và của cơ quan thẩm định phải được lưu trữ và công bố công khai để mọi người dân đều dễ dàng tiếp cận.

ĐẢM BẢO TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Tính độc lập của hội đồng thẩm định là một trong những yêu cầu quan trọng nhất nhằm đảm bảo chất lượng của các BC ĐTM, đặc biệt là các BC ĐMC do BC này được lập bởi các cơ quan nhà nước.

Pháp luật Trung Quốc quy định rất chặt chẽ về vấn đề này. Theo đó Bộ Bảo vệ Môi trường (BVMT) của Trung Quốc công bố một danh sách tất cả các chuyên gia về ĐTM trên phạm vi toàn quốc. Đối với mỗi BC ĐTM hoặc ĐMC, hội đồng thẩm định sẽ được thành lập dựa trên lựa chọn ngẫu nhiên từ danh sách (có loại bỏ các trường hợp xung đột lợi ích như các mối quan hệ gia đình, quan hệ lao động). Pháp luật Trung Quốc còn nghiêm cấm

mọi tiếp xúc trực tiếp hay gián tiếp giữa chủ dự án và thành viên hội đồng, kể cả khi thành viên hội đồng chủ động liên hệ. Sau quá trình thẩm định, hội đồng sẽ viết BC thẩm định với ba nội dung chính: (1) có thông qua BC ĐMC, ĐTM không, (2) có yêu cầu sửa đổi gì trong BC không, và (3) giải thích lý do. Các ý kiến không đồng tình phải được cũng phải được ghi nhận riêng. BC ĐMC, ĐTM chỉ được thông qua khi có 3/4 số thành viên tán thành.

Pháp luật Việt Nam nên nhấn mạnh tính độc lập giữa cơ quan thẩm định và cơ quan phê duyệt, nhất là với BC ĐMC vì BC này cũng do các cơ quan nhà nước lập và cơ quan thẩm định chịu nhiều áp lực hơn.

Thứ nhất, nên áp dụng cơ chế lựa chọn ngẫu nhiên trong hệ thống cơ sở dữ liệu về chuyên gia. Cơ chế này tương tự như việc lựa chọn thành viên bồi thẩm đoàn. Nếu một chuyên gia đã tham gia trong công tác lập BC, hoặc có mối quan hệ có thể dẫn tới mâu thuẫn lợi ích sẽ bị loại ra khỏi danh sách hội đồng.

Thứ hai, cần nghiêm cấm mọi sự tiếp xúc trực tiếp hay gián tiếp giữa thành viên hội đồng và chủ dự án. Pháp luật Việt Nam hiện nay quy định chủ dự án phải có mặt trong phiên họp của hội đồng và trình bày BC. Tuy nhiên, điều này là cơ hội này sinh tham nhũng, tiêu cực và rất nhiều nội dung trao đổi sẽ không được lưu lại. Do đó, cần quán triệt quan điểm là mọi điều cần trình bày trước hội đồng đã được chủ dự án trình bày trong BC ĐTM hoặc ĐMC.

Thứ ba, mọi ý kiến của các thành viên hội đồng đều phải được lưu lại, kể cả các ý kiến thiếu số và các thành viên phải chịu trách nhiệm về ý kiến của mình trong BC thẩm định. Nếu BC ĐTM hoặc ĐMC được thông qua và sau này phát hiện có sai sót thì những thành viên bỏ phiếu thuận sẽ bị tước thẻ hành nghề, đồng thời bị loại khỏi danh sách chuyên gia.

NGHIÊM MINH TRONG XỬ LÝ VI PHẠM

Một trong những lỗ hổng trong quy định pháp luật Việt Nam về ĐTM, ĐMC hiện nay là pháp luật chưa có quy định xử lý hành vi vi phạm của người trực tiếp lập BC ĐTM, ĐMC, người thẩm định BC và người phê duyệt CQK và dự án.

Trong khi đó, pháp luật Trung Quốc quy định rất rõ các hành vi vi phạm đối với ba chủ thể này. Theo đó, người lập BC ĐTM, ĐMC sẽ bị tước thẻ hành nghề nếu có sai sót trong quá trình lập BC ĐMC, ĐTM. Thành viên hội đồng thẩm định cũng sẽ bị loại ra khỏi danh sách của Bộ BVMT nếu có

sai sót trong quy trình hoặc nội dung BC thẩm định, hoặc BC ĐTM, ĐMC (trừ các thành viên đã bỏ phiếu phản đối). Nếu sai sót đó dẫn đến hậu quả thực tế thì người lập BC và thành viên hội đồng thẩm định có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Một quan chức phê duyệt CQK hoặc dự án hay cấp giấy phép xây dựng, giấy phép đầu tư dựa theo BC ĐMC không theo quy định sẽ bị cách chức.

Việt Nam cũng nên tham khảo các quy định về xử lý vi phạm của các nước, ngoài việc xử lý chủ đầu tư, cần bổ sung quy định xử lý các hành vi của người lập BC, người thẩm định BC và người phê duyệt CQK, cấp phép dự án đầu tư.

Thứ nhất, người lập BC ĐTM, ĐMC phải bị xử lý hành chính và tước thẻ hành nghề khi có sai sót về hình thức hoặc nội dung của BC. Nếu sai sót đó gây nên thiệt hại môi trường trên thực tế đến mức độ nghiêm trọng thì phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều này sẽ giúp tăng chất lượng BC và cũng tránh tình trạng không ai chịu trách nhiệm như một số dự án gây thiệt hại môi trường lớn trong thời gian vừa qua tại Việt Nam.

Thứ hai, người thẩm định báo cáo ĐTM, ĐMC sẽ bị phạt hành chính, tước thẻ hành nghề và bị cấm tham gia vào hội đồng thẩm định nếu đã bỏ phiếu thuận thông qua một BC ĐTM, ĐMC mà BC đó có sai sót về mặt chuyên môn. Nếu từ sai sót đó gây thiệt hại thực tế nghiêm trọng thì cá nhân đó phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều này giúp đảm bảo tính khách quan, độc lập và để cao trách nhiệm pháp lý của hội đồng thẩm định.

Cuối cùng, nếu một CQK, một dự án được phê duyệt hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư, cấp giấy phép xây dựng hoặc cấp giấy phép hoạt động mà chưa được phê duyệt BC ĐTM thì người phê duyệt hoặc cấp các chứng từ trên phải chịu hình thức kỷ luật. Điều này sẽ giúp tránh được tình trạng nhiều dự án được triển khai khi chưa có BC ĐTM và cũng giúp tăng tỷ lệ các CQK được lập ĐMC.

Cùng với việc chỉ ra các lỗ hổng trong khung pháp lý và siết chặt thực thi, kinh nghiệm của các nước như Trung Quốc cũng là một trong những nguồn mà Việt Nam có thể tham khảo trong quá trình hoàn thiện pháp luật về ĐTM, ĐMC nói riêng và pháp luật về BVMT nói chung.

Nguyễn Minh Đức – Ban Pháp chế, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)



Ảnh: Hoàng Văn Chiên/PanNature

Yêu cầu bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường: khoảng cách giữa quy định và thực thi

THÁNG 8/2013 DỰ LUẬN KHÔNG KHỎI BÀNG HOÀNG TRƯỚC VỤ VIỆC CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX THANH THÁI CHÔN KHỐI LƯỢNG LỚN THUỐC TRỪ SÂU XUỐNG LÒNG ĐẤT NGAY TẠI CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NÀY Ở CẨM THỦY, THANH HÓA BỊ NGƯỜI DÂN PHÁT GIÁC. NGƯỜI DÂN KHU VỰC SAU ĐÓ ĐÃ ỦY QUYỀN CHO HỘI NÔNG DÂN XÃ KHỞI KIẾN YẾU CẦU BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI; ĐOÀN ĐBQH TỈNH THANH HÓA CŨNG LÊN TIẾNG CHO RẰNG YẾU CẦU BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ SỨC KHỎE, NGUỒN NƯỚC VÀ CÁC TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT KHÁC CỦA NGƯỜI DÂN LÀ CHÍNH ĐÁNG. TUY NHIÊN, DƯỚI GÓC ĐỘ PHÁP LÝ, VIỆC KHỞI KIẾN YẾU CẦU ĐÒI BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CỦA VỤ NICOTEX NÓI RIÊNG VÀ CÁC THIẾT HẠI DO Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NÓI CHUNG VẪN LÀ MỘT THÁCH THỨC.

Bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường thuộc nhóm bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng, do đó, về mặt nguyên tắc, trách nhiệm bồi thường chỉ phát sinh khi đáp ứng đủ các yếu tố sau: (i) Phải có thiệt hại xảy ra; (ii) Phải có hành vi trái pháp luật; (iii) Phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật; và (iv) Phải có lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý của người gây thiệt hại.²

Như vậy, mặc dù trường hợp gây ô nhiễm môi trường, trách nhiệm pháp lý vẫn phát sinh ngay cả khi không có lỗi³, song việc chứng minh ba yếu tố còn lại không phải điều dễ dàng đối với người dân muốn khởi kiện.

Thứ nhất, chứng minh thiệt hại xảy ra là rất khó vì nhiều lý do. Thiệt hại về môi trường thường xảy ra trên diện rộng, tác động tới nhiều đối tượng; có thể là sức khỏe, tính mạng, tài sản của các cá nhân, có thể là lợi ích hợp pháp của các tổ chức, hay môi trường tự nhiên... Trong nhiều trường hợp không

2. Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/07/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng
3. Điều 624 – Bộ luật Dân sự 2005

thể tách biệt được thiệt hại về môi trường tự nhiên tại một khu vực nhất định với thiệt hại về tài sản, sức khỏe, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tại khu vực đó, do đó, khó xác định được ai là người thiệt hại và được hưởng bồi thường thiệt hại. Ví dụ, sự suy giảm nguồn lợi thủy sản tại một dòng sông bị ô nhiễm cũng đồng thời là sự giảm sút về thu nhập của ngư dân ở khu vực đó tuy nhiên, gần như không thể tách bạch hay tính toán được đây là thiệt hại cho Nhà nước hay là thiệt hại cho cá nhân do hành vi gây ô nhiễm. Mặt khác, chi phí giám định thiệt hại là rất lớn, trong khi do giới hạn kỹ thuật, nhiều vụ vi phạm môi trường ở Việt Nam còn phải thuê kỹ thuật giám định của nước ngoài mới có thể đưa vụ việc ra cơ quan xét xử. Điều này là một rào cản đối với người dân muốn chứng minh thiệt hại.

Thứ hai, việc chứng minh hành vi trái pháp luật là một thách thức cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Nguyên nhân là bằng chứng vi phạm do người dân cung cấp không được công nhận giá trị pháp lý trước Tòa trong khi việc xác minh của cơ quan chức năng phải theo quy trình và thường có độ trễ nhất định so với thời điểm xảy ra vi phạm. Do đó, nhiều trường hợp khi cơ quan chức năng đến xác minh thì hậu quả không đủ để coi là vi phạm pháp luật. Hơn nữa, hệ thống quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện vẫn còn thiếu nhiều quy chuẩn, gây khó khăn cho việc xác định vi phạm. Ví dụ, với kết quả kiểm nghiệm các mẫu đất, nước và chất thải tại khu vực công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái chôn hóa chất xuống lòng đất, nhiều chỉ tiêu không có quy chuẩn để so sánh⁴. Ngoài ra, các sự cố môi trường xảy ra (chẳng hạn sự cố trong tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí...) nhưng không thuộc trường hợp bắt khả kháng thì vẫn làm phát sinh trách nhiệm pháp lý của những người có liên quan mà không nhất thiết phải có hành vi trái pháp luật.

Thứ ba, việc chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và hậu quả xảy ra rất phức tạp và trong một số trường hợp gần như không thể tách biệt được cặp hành vi – hậu quả tương ứng. Hậu quả xảy ra có thể là sự tổng hợp của (i) nhiều hành vi vi phạm do nhiều chủ thể khác nhau cùng thực hiện như nhiều nhà máy trong khu công nghiệp cùng xả thải; (ii) sự cộng hưởng tác động của các tác nhân khác như thiên tai, dịch bệnh, nguồn gen,...; hay (iii) hành vi vi phạm của chính người bị thiệt hại (người dân sống trong khu vực cũng là một trong những đối tượng gây ô nhiễm khi xả rác, nước thải sinh hoạt, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật... Trong khi đó,

pháp luật quy định phải chứng minh mối quan hệ nhân quả, tức là hành vi gây thiệt hại phải là nguyên nhân trực tiếp hoặc là nguyên nhân có ý nghĩa quyết định đối với thiệt hại đã xảy ra để xác định bị đơn dân sự (người có trách nhiệm bồi thường) – một nội dung bắt buộc trong đơn khởi kiện.

Ngoài các khó khăn trên thì thời hiệu khởi kiện ngắn (2 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm) cũng là cản trở lớn cho người bị thiệt hại trong hành trình đi tìm công lý. Do các thiệt hại không xảy ra tức thời ngay sau khi có hành vi gây thiệt hại mà xảy ra trong khoảng thời gian khá dài nên đến khi chứng minh được thiệt hại hay mối quan hệ nhân quả giữa hành vi – thiệt hại thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại trong nhiều trường hợp là không còn.

Rõ ràng với quy định pháp luật hiện hành về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng áp dụng cho ô nhiễm môi trường, bất lợi thuộc về người đi kiện khi trách nhiệm chứng minh gần như hoàn toàn thuộc về người bị thiệt hại trong khi nghĩa vụ này vượt quá khả năng của họ. Sau vụ việc Vedan năm 2009 đến nay, chính sách về xử lý đối với ô nhiễm môi trường gần như không có thay đổi căn bản, do đó, việc người dân Cẩm Thủy khởi kiện Nicotex Thanh Thái đòi bồi thường thiệt hại có thể lại là một “Vedan thứ hai” khi vụ việc không được giải quyết triệt để.

Cùng với đà tăng trưởng kinh tế, mức độ ô nhiễm môi trường của Việt Nam cũng ngày càng trầm trọng. Nếu Việt Nam không có sự cải cách mạnh mẽ hệ thống tư pháp trong xử lý các vụ án liên quan đến ô nhiễm môi trường thì trong tương lai chắc hẳn sẽ còn nhiều hơn nữa những Vedan, Nicotex xâm phạm đến môi trường, lợi ích của đất nước và quyền lợi của người dân.

Một số kiến nghị:

- Cho phép khiếu nại, khởi kiện đồng người trong lĩnh vực môi trường;
- Không áp dụng thời hiệu khởi kiện hoặc áp dụng thời hiệu khởi kiện dài hơn đối với các vi phạm về môi trường;
- Chia sẻ trách nhiệm chứng minh thiệt hại, hành vi và mối quan hệ nhân quả cho các bên liên quan như cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành, các doanh nghiệp, ban quản lý;
- Thành lập thiết chế đặc thù để giải quyết các vụ việc liên quan đến vi phạm môi trường như Tòa án Môi trường.

Nguyễn Hoàng Phượng – Phòng Nghiên cứu Chính sách, Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature)

4. Kết quả kiểm nghiệm mẫu đất, mẫu nước và mẫu chất thải lấy tại công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái của Trung tâm kiểm định thuốc Bảo vệ thực vật phía Bắc – Cục Bảo vệ thực vật (Nguồn: Báo cáo 7479/UBND-NN ngày 19/09/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa gửi Thủ tướng Chính phủ báo cáo việc vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái)

Hiến pháp 2013 ghi nhận Quyền con người đối với môi trường

NGÀY 28/11/2013, HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (SỬA ĐỔI) CHÍNH THỨC ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI KỶ HỌP THỨ 6, QUỐC HỘI KHÓA XIII VỚI 11 CHƯƠNG, 120 ĐIỀU, TRONG ĐÓ CÓ MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐÁNG CHÚ Ý LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG:

1 Lần đầu tiên Hiến pháp ghi nhận quyền con người đối với môi trường: “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường” (Điều 43).

2 Lần đầu tiên nguyên tắc người gây thiệt hại môi trường phải khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại được ghi nhận: “Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại”. (Khoản 3, Điều 63)

3 Tái khẳng định các loại tài nguyên là tài sản công, thuộc sở hữu toàn dân và Nhà nước là đại diện chủ sở hữu: “Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”. (Điều 53; được sửa đổi trên cơ sở Điều 17, Hiến pháp 1992)



Ảnh: Hoàng Văn Chiên/PanNature

4 Bổ sung trách nhiệm của Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong công tác BVMT và quản lý tài nguyên thiên nhiên: (i) Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; (ii) Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo. (Khoản 1, 2, Điều 63; được sửa đổi trên cơ sở Điều 29 và Điều 112, Hiến pháp 1992)

5 Bảo vệ môi trường đã được chú trọng, đặt ngang hàng với các lĩnh vực khác (Chương III – Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường). Cụ thể, tại Điều 50 (được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở Điều 15 và Điều 43), BVMT đã được ghi nhận là nhiệm vụ ưu tiên, trước cả công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. (Điều 50; được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở Điều 15 và Điều 43, Hiến pháp 1992)

6 Bổ sung quy định Chính phủ thống nhất quản lý về môi trường: “Chính phủ có nhiệm vụ thống nhất quản lý về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học,

công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông, đối ngoại, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thi hành lệnh động viên, lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và các biện pháp cần thiết khác để bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm tính mạng, tài sản của Nhân dân”. (Điều 96; được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở các Điều 24, 26, 30, 36, 39, 41, 109, 112, Hiến pháp 1992)

Chi tiết Hiến pháp xem tại: bit.ly/btcs00119



QUẢN TRỊ TÀI NGUYÊN RỪNG

Ảnh: Hoàng Văn Chiên/PanNature

Xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, phát triển, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản

NGÀY 11/11/2013, CHÍNH PHỦ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH 157/2013/NĐ-CP QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ QUẢN LÝ RỪNG, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO VỆ RỪNG VÀ QUẢN LÝ LÂM SẢN, THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH 99/2009/NĐ-CP NGÀY 02/11/2009 VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ RỪNG, BẢO VỆ RỪNG VÀ QUẢN LÝ LÂM SẢN.

So với Nghị định 99, Nghị định mới giảm 2 chương, 19 điều, song có phạm vi điều chỉnh rộng hơn với nhiều quy định được sửa đổi, bổ sung và một số quy định bị loại bỏ.

Trước tiên, Nghị định 157 bỏ quy định không áp dụng đối với gỗ cũng như các lâm sản nhập khẩu, đồng thời bỏ quy định xử phạt chủ rừng được nhà nước giao rừng tự nhiên hoặc rừng ▶

- ▶ trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại trong trường hợp chủ rừng thiếu trách nhiệm để rừng bị phá trái pháp luật.

Việc một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm nối tiếp nhau mà hành vi sau là hậu quả của hành vi trước và bị xử phạt với hành vi có mức phạt cao nhất cũng không được quy định tại Nghị định này. Đặc biệt, Nghị định 157 không đề cập tới các điều khoản liên quan đến khiếu nại, tố cáo cũng như vấn đề về thủ tục xử phạt và việc xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.

Thay vào đó, Nghị định 157 bổ sung một số điểm mới hoàn toàn như: quy định mức phạt tổ chức vi phạm bằng hai lần mức phạt cá nhân có cùng hành vi và mức độ vi phạm; người có hành vi vi phạm do chậm trồng rừng thay thế hoặc không hoàn thổ đúng thời hạn để trồng lại rừng trên diện tích sau khai thác khoáng sản bị phạt tiền từ 10 đến 50 triệu đồng kèm biện pháp khắc phục hậu quả; người được nhà nước giao, cho thuê đất để trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư 100% nhưng thực hiện trồng rừng không đúng quy định bị phạt từ 2 đến 100 triệu đồng kèm biện pháp khắc phục.

Nghị định 157 cũng sửa đổi hàng loạt quy định liên quan đến việc áp dụng xử phạt vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản vi phạm, tịch thu phương tiện vận chuyển lâm sản trái pháp luật... Đơn cử, trường hợp chủ rừng phát hiện vi phạm xảy ra tại lâm phần thì phải báo cáo cơ quan thẩm quyền lập biên bản vi phạm chứ không tự lập biên bản và dẫn giải người vi phạm đến cơ quan thẩm quyền như quy định tại Nghị định 99. Hoặc trường hợp hành vi vi phạm pháp luật đã khởi tố vụ án hình sự, nhưng sau đó đình chỉ hoạt động tố tụng và cơ quan thẩm quyền đề nghị chuyển sang xử phạt hành chính thì Nghị định 157 áp dụng xử phạt (thay vì áp mức xử phạt cao nhất như quy định cũ) đối với hành vi vi phạm tương ứng.

Nghị định mới cũng sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm IB, IA và các sản phẩm gỗ; đồng thời bổ sung thẩm quyền lập biên bản vi phạm cho viên chức đang thi hành công vụ về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;...

Về hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt, Nghị định 157 liệt kê 15 nhóm hành vi tương ứng như quy định tại Nghị định 99, song có sự điều chỉnh về mức xử phạt đối với từng nhóm hành

vi và đối với thẩm quyền xử phạt của từng cơ quan, cá nhân. Đa phần các mức phạt tối thiểu đều được điều chỉnh theo hướng tăng cao hơn, với mức tăng dao động từ 40 nghìn đến 30 triệu đồng. Đáng chú ý, các hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật rừng; vận chuyển lâm sản trái pháp luật; mua bán, cất giữ, kinh doanh lâm sản trái quy định giữ nguyên mức phạt tối đa 500 triệu đồng.

Về thẩm quyền xử phạt, Nghị định bổ sung thẩm quyền cho nhóm đối tượng là Thanh tra viên, Chánh Thanh tra Sở NN&PTNT; Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT); Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp; Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Quản lý thị trường... với mức xử phạt tối đa từ 500 nghìn đến 250 triệu đồng.

Chi tiết Nghị định xem tại: bit.ly/btcs00100

Liên quan đến quy định về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, Chính phủ và các Bộ, cơ quan đã ban hành một số văn bản quan trọng sau:

- Nghị định số 99/2009/NĐ-CP ngày 02/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.
- Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT/BNN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ NN&PTNT, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật Hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.
- Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
- Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm- Thông tư 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/05/2011 của Bộ NN&PTNT về hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

QUẢN LÝ VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC



Ảnh: PanNature

Quy định mới về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

NHẪM CỤ THỂ HÓA VIỆC QUẢN LÝ, BẢO TỒN CÁC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐA DẠNG SINH HỌC (2008), NGÀY 12/11/2013, CHÍNH PHỦ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH 160/2013/NĐ-CP VỀ TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH LOÀI VÀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ LOÀI THUỘC DANH MỤC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ.

Nghị định 160 thay thế một số nội dung được quy định tại Điều 12, 13, 14, 15 và 16 Nghị định 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học.

Ngoài ra, chế độ quản lý đối với loài thuộc Danh mục động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm ban hành kèm theo Nghị định số 32/2006/

NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm được xác định là loài ưu tiên bảo vệ cũng sẽ được áp dụng theo quy định tại Nghị định này.

Trên cơ sở đề nghị của Bộ TN&MT, Danh mục này sẽ được điều chỉnh, bổ sung định kỳ ba năm một lần hoặc khi thấy cần thiết, Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh, bổ sung Danh mục.

Theo nội dung Nghị định 160, loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ phải đáp ứng hai tiêu chí: (i) số lượng cá thể còn ít hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng; (ii) là loài đặc hữu hoặc có một trong các giá trị đặc biệt về khoa học; y tế; kinh tế; sinh thái, cảnh quan, môi trường và văn hóa – lịch sử theo quy định. Dựa trên các tiêu chí này, Nghị định xác định Danh mục gồm 17 loài thực vật, 83 loài động vật, 15 giống cây trồng, 06 giống vật nuôi. ▶

- Điểm đáng lưu ý là Danh mục có đến 69 loài động vật và 11 loài thực vật trùng với Danh mục các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm được ban hành kèm theo Nghị định 32/2006; 06 loài trùng với Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định 82/2008/QĐ-BNN của Bộ NN&PTNT. Việc các loài có tên trong nhiều hơn một Danh mục có thể khiến công tác quản lý, bảo vệ và khai thác các loài này gặp khó khăn hơn, đặc biệt là đối với các cơ quan thực thi pháp luật.

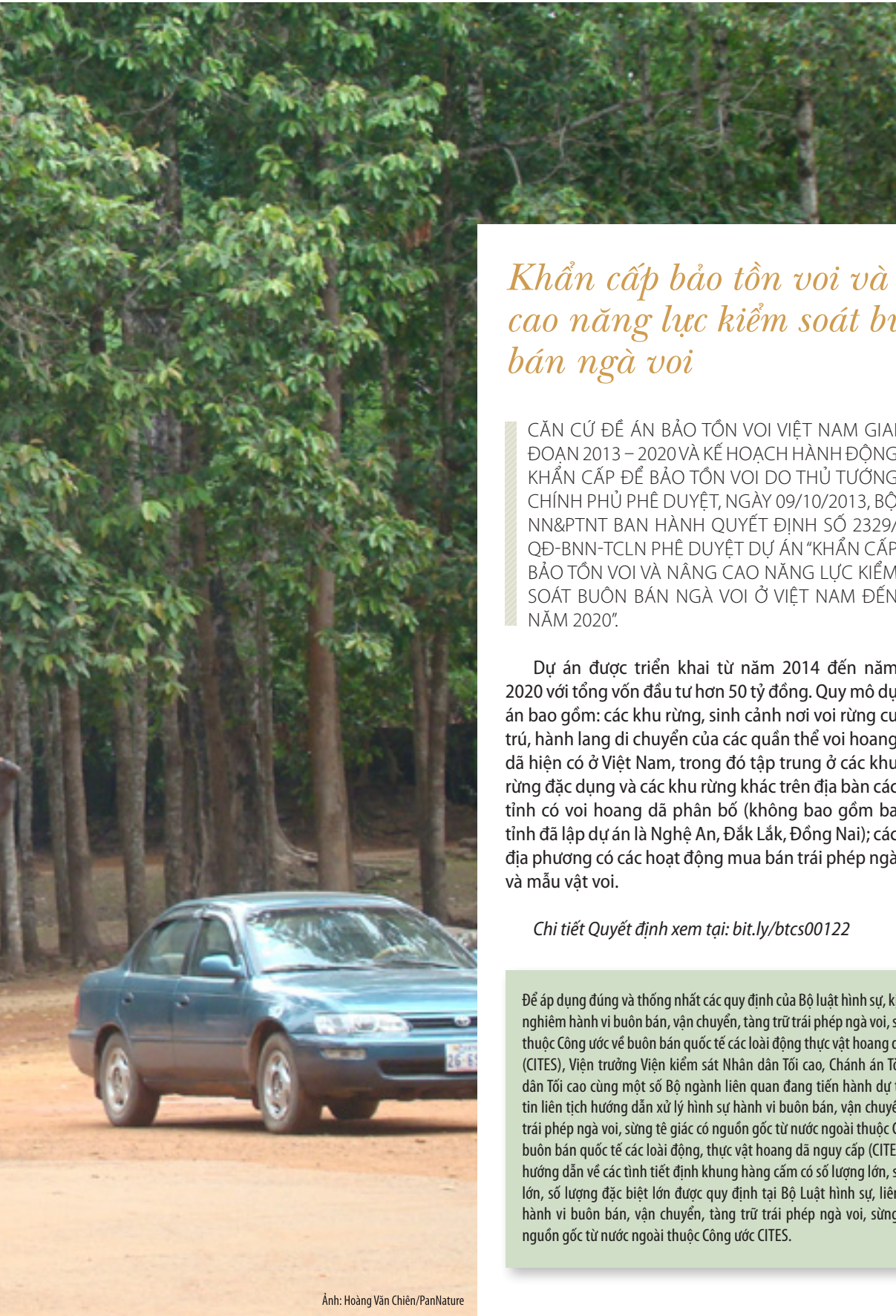
Về chế độ quản lý loài, Nghị định phân định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan, theo đó Bộ TN&MT được giao một số nhiệm vụ thẩm định; hướng dẫn việc điều tra, quan trắc, đánh giá tình trạng loài; chủ trì, phối hợp xây dựng chương trình bảo tồn loài động vật hoang dã, thực vật hoang dã thuộc Danh mục; và Bộ NN&PTNT được giao các nhiệm vụ chính tương tự nhưng đối tượng áp dụng là các giống cây trồng, giống vật nuôi, vi sinh vật và nấm thuộc Danh mục.

Chi tiết Nghị định xem tại: bit.ly/btcs00103

Liên quan đến Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm, hiện Bộ NN&PTNT cũng đang dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 32/2006 với nội dung trọng tâm là xây dựng chế độ quản lý các loài thực vật rừng, động vật rừng, thực vật thủy sinh và động vật thủy sinh hoang dã nguy cấp, quý, hiếm ở Việt Nam. Việc soạn thảo và ban hành Nghị định này được nhiều chuyên gia khuyến cáo rằng cần được Chính phủ xem xét, cân nhắc kỹ để tránh các quy định chồng chéo, thiếu nhất quán và gây khó khăn cho quá trình thực thi, nhất là việc phân cấp trách nhiệm các bên liên quan. Hiện nội dung Dự thảo và Danh mục loài ban hành kèm theo được đăng tải công khai trên website của Bộ (bit.ly/btcs00101) và website Tổng cục Lâm nghiệp (bit.ly/btcs00102) để lấy ý kiến đóng góp.

Ngày 05/9/2013, Bộ NN&PTNT ban hành Thông tư số 40/2013/TT-BNNPTNT về Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước CITES, thay thế Thông tư cùng tên mang số hiệu 59/2010/TT-BNNPTNT. So với Thông tư 59, Thông tư 40 bổ sung nhiều loài mới, trong đó có một số loài rùa và gỗ trắc như: rùa Trung Bộ (*Mauremys annamensis*), rùa chấm (*Clemmys guttata*), rùa đốm kim cương (*Malaclemys terrapin*), rùa sơn (*Batagur borneoensis*)...; gỗ Trắc (*Dalbergia cochinchinensis*); Trắc đen (*Dalbergia retusa*), Trắc granadillo (*Dalbergia granadillo*). Ngoài ra, Thông tư cũng có một số thay đổi trong việc phân loại loài, một số loài được chuyển từ phụ lục II lên phụ lục I như loài Rùa đầu to madagascar (*Erymnochelys madagascariensis*); một số loài được chuyển từ phụ lục III lên phụ lục II như Rùa đất Spengler (*Geoemyda spengleri*), Rùa bốn mắt (*Sacalia bealei*), Ba ba gai (*Palea steindachneri*)...





Khẩn cấp bảo tồn voi và nâng cao năng lực kiểm soát buôn bán ngà voi

CĂN CỨ ĐỀ ÁN BẢO TỒN VOI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013 – 2020 VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG KHẨN CẤP ĐỂ BẢO TỒN VOI DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT, NGÀY 09/10/2013, BỘ NN&PTNT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 2329/QĐ-BNN-TCLN PHÊ DUYỆT DỰ ÁN “KHẨN CẤP BẢO TỒN VOI VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC KIỂM SOÁT BUÔN BÁN NGÀ VOI Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020”.

Dự án được triển khai từ năm 2014 đến năm 2020 với tổng vốn đầu tư hơn 50 tỷ đồng. Quy mô dự án bao gồm: các khu rừng, sinh cảnh nơi voi rừng cư trú, hành lang di chuyển của các quần thể voi hoang dã hiện có ở Việt Nam, trong đó tập trung ở các khu rừng đặc dụng và các khu rừng khác trên địa bàn các tỉnh có voi hoang dã phân bố (không bao gồm ba tỉnh đã lập dự án là Nghệ An, Đắk Lắk, Đồng Nai); các địa phương có các hoạt động mua bán trái phép ngà và mẫu vật voi.

Chi tiết Quyết định xem tại: bit.ly/btcs00122

Để áp dụng đúng và thống nhất các quy định của Bộ luật hình sự, kịp thời xử lý nghiêm hành vi buôn bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép ngà voi, sừng tê giác thuộc Công ước về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp (CITES), Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao, Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao cùng một số Bộ ngành liên quan đang tiến hành dự thảo Thông tin liên tịch hướng dẫn xử lý hình sự hành vi buôn bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép ngà voi, sừng tê giác có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES). Dự thảo hướng dẫn về các tình tiết định khung hàng cấm có số lượng lớn, số lượng rất lớn, số lượng đặc biệt lớn được quy định tại Bộ Luật hình sự, liên quan đến hành vi buôn bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép ngà voi, sừng tê giác có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Công ước CITES.



Ảnh: WWF

Thừa Thiên - Huế mở rộng Khu Bảo tồn Sao La

NGÀY 09/10/2013, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN – HUẾ BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 2020/QĐ-UBND VỀ VIỆC THÀNH LẬP KHU BẢO TỒN (KBT) SAO LA VỚI TỔNG DIỆN TÍCH HƠN 15.519 HA, GỒM 15 TIỂU KHU NẪM TRÊN ĐỊA BÀN BA XÃ THUỘC HAI HUYỆN A LƯỚI VÀ NAM ĐÔNG.

Trước đó, ngày 21/4/2010, Sở NN&PTNT Thừa Thiên – Huế công bố thành lập KBT Sao La tại huyện A Lưới với tổng diện tích 12.153 ha. Như vậy, tổng diện tích hiện nay của KBT đã tăng lên gần 3.400 ha so với trước. Việc tăng diện tích này sẽ giúp tạo thành một hành lang bảo tồn liên tục và thống nhất nhờ kết nối với KBT sao la Quảng Nam, Vườn Quốc gia Bạch Mã và KBT Quốc gia Xê Sáp của Lào với tổng diện tích 200.000 ha.

Theo Quyết định số 2020/QĐ-UBND, KBT Sao La được chia thành ba phân khu chức năng, gồm: phân khu bảo vệ nghiêm ngặt (11.845 ha), phân khu phục hồi sinh thái (3.550 ha) và phân khu hành chính, dịch vụ (124,93 ha). Vùng đệm gồm 19 tiểu khu với 16.553,9 ha. Ngoài mục tiêu bảo tồn quần thể Sao La và hai loại thú móng guốc là Mang lớn và Mang Trường sơn, việc thành lập KBT này còn hướng tới việc bảo tồn các loài động, thực vật đặc hữu và quý hiếm khác, đồng thời bảo vệ diện tích rừng tự nhiên còn sót lại ở khu vực Trung Trường Sơn và nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về bảo tồn thiên nhiên.

Chi tiết Quyết định xem tại: bit.ly/btcs00104

Theo thông tin từ Ban Quản lý KBT Sao La Thừa Thiên – Huế, vào tháng 10/2013, cán bộ KBT đã chụp được hình ảnh loài Mang lớn (*Muntiacus vuquangensis*) ngoài tự nhiên bằng bẫy ảnh. Đây là loài thú quý hiếm, đã được đưa vào Sách Đỏ Việt Nam nhưng do chưa có biện pháp bảo vệ nên số lượng ngày càng suy giảm. Trước đó, KBT cũng ghi nhận sự xuất hiện của nhiều loài thú quý hiếm khác như Thỏ vằn, Voọc chà vá chân nâu, Trỉ sao... Những ghi nhận này cho thấy tiềm năng đa dạng sinh học của khu vực này rất cao. Hiện Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF) đang hỗ trợ KBT đặt thêm một số bẫy ảnh để có thể thu được nhiều hơn hình ảnh, tư liệu về các loài hoang dã quý hiếm cư trú tại khu vực. (Tổng hợp thông tin từ báo chí)

Sau khi KBT Sao La Thừa Thiên Huế được thành lập ngày 21/4/2010, ngày 11/5/2010, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam cũng đã ban hành quyết định thành lập KBT Loài và Sinh cảnh Sao La với tổng diện tích khoảng 16.500 ha và ngày 14/4/2011 ký tiếp quyết định thành lập KBT Sao La Quảng Nam. Điều bất ngờ là sau 15 năm vắng bóng tại Việt Nam, tới ngày 07/9/2013, những hình ảnh về loài thú bí ẩn Sao La đã được ghi nhận thông qua hoạt động bẫy ảnh của Quý Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF) và Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Nam. Nhằm bảo tồn và phát triển loài Sao La cùng với các hệ sinh thái và sinh cảnh vùng cư trú, đồng thời bảo vệ các nguồn gen quý còn tồn tại trong KBT, ngày 20/01/2014, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam tiếp tục phê duyệt Kế hoạch quản lý KBT Sao La giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020, với tổng kinh phí thực hiện gần 26 tỷ đồng. (Tổng hợp thông tin từ báo chí)

QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG



Khu công nghiệp ở Long An xả khói gây ô nhiễm môi trường - Ảnh: Dương Văn Thọ/PanNature

Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

NGHỊ ĐỊNH SỐ 179/2013/NĐ-CP QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BVMT ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BAN HÀNH NGÀY 14/11/2013, THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2009/NĐ-CP VỀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC BVMT, VÀ BẮT ĐẦU CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH TỪ NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2013.

Điểm nổi bật của Nghị định mới là nâng mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT từ 500 triệu đồng lên 1 tỷ đồng đối với cá nhân và 2 tỷ đồng đối với tổ chức.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng bổ sung các chế tài về BVMT trong đa dạng sinh học; dịch vụ quan trắc môi trường; nhập khẩu, sản xuất chế phẩm sinh học

trong xử lý chất thải; các quy định về túi ni lon thân thiện môi trường; một số quy định liên quan đến sinh vật biến đổi gen và sản phẩm của chúng.

Ngoài ra, nhóm hành vi thu gom, thải rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định hoặc không đúng quy định về BVMT (vứt tàn thuốc lá, thải rác sinh hoạt, vệ sinh cá nhân tại nơi công cộng, thu gom rác) cũng được quy định cụ thể tại Nghị định.

Về hình thức xử phạt, Nghị định 117 cũng quy định với mỗi hành vi vi phạm hành chính về BVMT, các cá nhân, tổ chức vi phạm sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền, có thể kèm thêm hình thức phạt bổ sung. Với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ngoài việc bị xử phạt hành chính còn bị buộc di dời đến vị trí phù hợp hoặc bị cấm hoạt động. Thẩm quyền áp dụng hình thức di dời do Thủ tướng ▶

- ▶ Chính phủ hoặc Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định, tùy tính chất cơ sở vi phạm.

Về mức xử phạt vi phạm, hầu hết các hành vi được quy định tại Nghị định 179 đều có khung phạt tối thiểu và tối đa cao hơn nhiều so với Nghị định 117. Trong đó, một số hành vi có mức phạt tối đa lên tới 1 tỷ đồng như: vi phạm trong việc xả nước thải/ thải bụi/khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường; chuyển giao không đúng quy định, chôn lấp, đổ, thải chất thải nguy hại thuộc Danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP); đổ chất thải nguy hại, chất thải có chứa chất phóng xạ xuống vùng biển; nhập khẩu loài động, thực vật ngoại lai xâm hại đã biết hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại mà không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp.

Riêng một số hành vi như: không có báo cáo đánh giá tác động môi trường; nhập khẩu phế liệu không thuộc Danh mục được phép nhập khẩu; các hành vi gây sự cố môi trường nhưng không thực hiện khắc phục sự cố... thì có mức phạt thấp hơn so với hành vi tương ứng được quy định tại Nghị định 117.

Về thẩm quyền xử phạt, Nghị định 179 phân định cụ thể thẩm quyền của từng cơ quan, lực lượng, trong đó có nhiều lực lượng mới được bổ sung như: Kiểm lâm, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ nội địa, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Quản lý thị trường, Thuế, Công an cửa khẩu, Công an quản lý xuất nhập cảnh.

Điểm đáng lưu ý là nội dung điểm n và điểm o, Khoản 1, Điều 54, Nghị định 179 đã hạn chế thẩm quyền của lực lượng Công an, Cảnh sát Môi trường trong việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT. Theo đó, hai lực lượng này sẽ không được phép xử lý các hành vi vi phạm về thực hiện cam kết BVMT; thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường; BVMT liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại; xử lý chất thải nguy hại; nhập khẩu phế liệu; các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên...

Đặc biệt, theo quy định tại Khoản 2, Điều 54, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT tại điều, khoản nào thì chỉ được thực hiện các biện pháp nghiệp vụ trong phạm vi các điều, khoản đó. Trường hợp phát hiện cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử phạt của mình thì phải thông báo và phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt để kiểm tra, xử lý vi phạm.

Chi tiết Nghị định xem tại: bit.ly/btcs00105

Xử phạt hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp

NGHỊ ĐỊNH SỐ 163/2013/NĐ-CP NGÀY 12/11/2013 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HÓA CHẤT, PHÂN BÓN VÀ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 31/12/2013, thay thế Nghị định 90/2009/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hóa chất; Nghị định 15/2010/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón; Mục 2 Chương V Nghị định 100/2005/NĐ-CP về thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; Nghị định 64/2005/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp.

So với Nghị định 90, Nghị định 163 có nhiều thay đổi trong việc phân loại các hành vi vi phạm cũng như để ra các mức xử phạt. Nhiều hành vi vi phạm trong xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ chứa hóa chất; quảng cáo hóa chất; phân loại, ghi nhãn hóa chất; bao gói hóa chất; phiếu an toàn hóa chất... không được đề cập. Thay vào đó, Nghị định 163 bổ sung một số hành vi vi phạm mới như: vi phạm về đăng ký, sử dụng hóa chất nguy hiểm; phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc; giới hạn hàm lượng cho phép của hóa chất độc hại trong một số sản phẩm tiêu dùng; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất... Về mức xử phạt, hầu hết các hành vi vi phạm tại Nghị định 163 đều có mức phạt tối thiểu và tối đa thấp hơn hành vi tương ứng được quy định tại Nghị định 90. Trong đó, mức phạt tối đa áp dụng đối với cá nhân vi phạm là 50 triệu đồng và 100 triệu đồng đối với tổ chức.

So với Nghị định 15, Nghị định 163 gần như giữ nguyên các hành vi vi phạm trong lĩnh vực phân bón, song mức xử phạt cũng được điều chỉnh theo hướng thấp hơn. Theo đó, mức phạt tối đa áp dụng đối với cá nhân là 100 triệu đồng và 200 triệu đồng đối với tổ chức, trong khi mức

Nhà dân đổ nát sau vụ nổ nhà máy pháo ở Phú Thọ
 Ảnh: Hoàng Văn Chiên/PanNature



phạt tối đa áp dụng chung cho cả tổ chức, cá nhân ở Nghị định 15 là 150 triệu đồng.

Riêng với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, Nghị định 163 áp mức xử phạt cao hơn Nghị định 64 với mức phạt tối đa lên đến 100 triệu đồng đối với cá nhân so với mức 50 triệu đồng của Nghị định 64.

Điều đáng lưu ý là xét về thẩm quyền xử phạt, với Nghị định 163, lực lượng Quản lý thị trường nằm ngoài danh sách các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong cả ba lĩnh vực: hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp. Theo đó, Nghị định quy định các cơ quan có thẩm quyền xử phạt, bao gồm: Công an; Hải quan; Ủy ban nhân dân các cấp; Thanh tra Bộ Công Thương, Sở Công Thương, Bộ NN&PTNT và Sở NN-PTNT

Chi tiết Nghị định xem tại: bit.ly/btcs00106

Sau gần 5 tháng bị phát giác, Công ty Nicotex Thanh Thái (Thanh Hóa) vẫn chưa hoàn thành việc khai quật, xử lý hàng chục tấn chất thải nguy hại được chôn lấp ngay trong khuôn viên nhà máy. Nguyên nhân cơ bản là do lượng chất thải được chôn lấp trên thực tế lớn gấp hàng chục lần so với con số khai báo của Nicotex. Không chỉ vi phạm hàng loạt các quy định trong Luật Bảo vệ Môi trường, Công ty Nicotex còn vi phạm rất nhiều quy định trong hoạt động hóa chất liên quan đến cất giữ, bảo quản hóa chất nguy hiểm; vận chuyển hóa chất; xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư; xử lý hóa chất bị thải bỏ trong sử dụng; khai báo hóa chất... (Tổng hợp từ báo chí)

Nhằm tăng cường hợp tác toàn cầu về kiểm soát việc vận chuyển xuyên biên giới và tiêu hủy chất thải nguy hại, năm 1989, Công ước Basel (Công ước về kiểm soát vận chuyển qua biên giới chất thải nguy hại và tiêu hủy chúng) chính thức được thông qua tại Hội nghị Đại sứ Đệ nhị mệnh Toàn quyền ở Basel, Thụy Sĩ với 178 thành viên tham gia. Việt Nam phê chuẩn tham gia Công ước Basel từ năm 1995, và đến nay đã xây dựng được cơ bản hệ thống văn bản pháp luật làm cơ sở cho công tác quản lý chất thải nguy hại. Tháng 12/2013, hội thảo quốc tế về Bổ sung Lệnh cấm xuất khẩu các chất thải độc hại xuyên biên giới theo Công ước Basel đã được tổ chức tại Hà Nội nhằm giúp cơ quan chức năng của Việt Nam nắm rõ hơn những thuận lợi, khó khăn trước khi tiến tới phê chuẩn Lệnh cấm bổ sung này. Nếu được thông qua, Lệnh cấm sẽ giúp Công ước Basel hoàn thiện mục tiêu giảm thiểu, ngăn chặn hoạt động xuất khẩu các chất thải nguy hại thông qua việc cấm các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) xuất khẩu các chất thải nguy hại sang các nước không thuộc OECD. (Tổng hợp từ báo chí)

Phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng

QUYẾT ĐỊNH SỐ 1788/QĐ-TTĐ NGÀY 01/10/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH XỬ LÝ TRIỆT ĐỂ CÁC CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NGHIÊM TRỌNG ĐẾN NĂM 2020.

Kế hoạch xác định 06 nhóm đối tượng gây ô nhiễm nghiêm trọng bao gồm: (i) cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (không bao gồm làng nghề, làng có nghề); (ii) bệnh viện; (iii) bãi rác; (iv) cơ sở giam giữ, cải tạo phạm nhân; trường, trung tâm giáo dục; trung tâm huấn luyện nghiệp vụ thuộc lực lượng Công an nhân dân; (v) cơ sở bảo trợ xã hội; Trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội; (vi) các đơn vị huấn luyện quân sự từ cấp quân khu trở lên; các cơ sở xử lý vũ khí, chế tài, trang thiết bị quân sự.

Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến mức bị tạm đình chỉ hoặc cấm hoạt động theo quy định của pháp luật thì không thuộc phạm vi thực hiện Kế hoạch.

Theo Kế hoạch, việc xử lý ô nhiễm phải được triển khai đồng bộ với các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn phát sinh mới các cơ sở gây ô nhiễm. Trong thời gian xử lý, các cơ sở phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường cũng như cộng đồng. Nhà nước có trách nhiệm bố trí kinh phí để xử lý ô nhiễm đối với các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng thuộc khu vực công ích.

Kế hoạch đặt mục tiêu đến năm 2020 phải xử lý triệt để, dứt điểm 451 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được phê duyệt danh mục và biện pháp xử lý. Đặc biệt, Kế hoạch lưu ý đến yêu cầu công khai thông tin các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng trên các phương tiện báo chí cũng như tổ chức niêm yết thông tin tại cơ sở, trụ sở Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi có cơ sở hoạt động gây ô nhiễm nghiêm trọng.

Chi tiết Quyết định xem tại: bit.ly/btcs00107

Liên quan đến việc khắc phục và xử lý ô nhiễm, ngày 08/10/2013, Bộ TN&MT, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BTNMT-BTC-BKHĐT về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012 - 2015. Theo đó, nguồn vốn Trung ương sẽ hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng kinh phí đối với dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng; hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng kinh phí đối với dự án cải thiện và phục hồi môi trường tại một số khu vực bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; hỗ trợ không quá 20% tổng kinh phí đối với dự án thu gom, xử lý nước thải từ các đô thị loại II trở lên, thuộc 03 lưu vực: sông Nhuệ - sông Đáy, sông Cầu và hệ thống sông Đồng Nai.

QUẢN TRỊ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN



Khai thác khoáng sản ở Hà Giang - Ảnh: Dương Văn Thọ/PanNature

Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản

NHẪM ĐẢM BẢO SỰ PHÙ HỢP VỚI VIỆC BỔ SUNG, SỬA ĐỔI MỘT SỐ LUẬT HIỆN HÀNH NHƯ LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH NĂM 2012, LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC NĂM 2012, LUẬT KHOÁNG SẢN NĂM 2010, NGÀY 24/10/2013, CHÍNH PHỦ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 142/2013/NĐ-CP QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ KHOÁNG SẢN.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 15/12/2013, thay thế các Nghị định: 34/2005/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước; 150/2004/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản; 77/2007/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2004/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản. ▶

- So với các Nghị định cũ, Nghị định 142 có một số điểm mới cơ bản sau:

Thứ nhất, Nghị định tăng mức phạt tiền tối đa các hành vi vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên nước từ 100 triệu đồng lên 250 triệu đồng với cá nhân và 500 triệu đồng đối với tổ chức. Với những vi phạm trong lĩnh vực khoáng sản, mức phạt tối đa tăng từ 100 triệu đồng lên 1 tỷ đồng đối với cá nhân và 2 tỷ đồng đối với tổ chức. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm của tổ chức gấp hai lần mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm tương ứng của cá nhân.

Thứ hai, Nghị định bổ sung, quy định cụ thể nhiều hành vi vi phạm mới như: hành vi vi phạm các quy định về điều tra cơ bản, quy hoạch tài nguyên nước; quy định về quan trắc, giám sát tài nguyên nước; quy định về chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước; các quy định về hồ chứa; về bảo vệ nguồn nước; về phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; hành lang bảo vệ nguồn nước; phòng, chống xâm nhập mặn...; hành vi vi phạm quy định về thăm dò khoáng sản độc hại; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; không lập đề án đóng cửa mỏ; tháo dỡ, phá hủy các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, BVMT ở khu vực khai thác khoáng sản khi giấy phép đã hết hiệu lực...

Nghị định 142 cũng bổ sung nhiều biện pháp khắc phục hậu quả mới như: buộc thực hiện các giải pháp đưa các khu vực đã khai thác khoáng sản về trạng thái an toàn; buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hư hỏng hạ tầng kỹ thuật; thực hiện việc nâng cấp, duy tu, xây dựng đường giao thông; buộc giao nộp mẫu vật, thông tin về khoáng sản cho cơ quan quản lý có thẩm quyền về khoáng sản; buộc nộp lại toàn bộ khối lượng khoáng sản hoặc giá trị bằng tiền có được do việc khai thác ngoài diện tích khu vực khai thác hoặc do khai thác vượt quá công suất được phép khai thác gây ra; buộc cải chính thông tin, dữ liệu sai lệch do thực hiện hành vi vi phạm; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

Thứ ba, Nghị định nâng thẩm quyền phạt tiền của các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại các Nghị định cũ, đồng thời bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ TN&MT; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra Sở TN&MT thành lập. Bên cạnh đó, Nghị định cũng quy định rõ người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.

Chi tiết Nghị định xem tại: bit.ly/btcs00108

Phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

ĐƯỢC NGHIÊN CỨU VÀ ĐƯA RA TỪ NĂM 2010, NHƯNG NGÀY 28/11/2013, NGHỊ ĐỊNH SỐ 203/2013/NĐ-CP QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH, MỨC THU TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN MỚI CHÍNH THỨC ĐƯỢC CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT.

Nghị định quy định chi tiết Khoản 3, Điều 77, Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 11/7/2010 về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; phương pháp thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Theo đó, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (T) được tính dựa trên trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q); giá tính tiền cấp quyền



khai thác khoáng sản (G); hệ số thu hồi khoáng sản (K1); hệ số liên quan đến điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn (K2); mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R).

Trong đó, đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày Luật khoáng sản 2010 có hiệu lực (01/7/2011), trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q) là trữ lượng còn lại tính từ ngày này.

Về giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G) thì được xác định theo giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng. Đối với loại khoáng sản chưa có giá tính thuế tài nguyên hoặc phải điều chỉnh giá tính thuế, Sở TN&MT chủ trì, phối hợp xây dựng giá; Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Riêng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) thì được quy định theo nhóm, loại khoáng sản, bằng tỷ lệ phần trăm giá trị quặng nguyên khai của khu vực khoáng sản được phép khai thác và có giá trị dao động từ 1 - 5%.

Về chế độ quản lý và sử dụng, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (T) được nộp 70% cho ngân sách trung ương, 30% cho ngân sách địa phương đối với giấy phép do Trung ương cấp; nộp 100% cho ngân sách địa phương đối với giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp.

Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Sở TN&MT cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời gửi văn bản phê duyệt và số tiền phải nộp trước ngày 31/12 hàng năm cho Cục thuế địa phương nơi có khu vực khoáng sản được cấp phép khai thác.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 20/01/2014, bãi bỏ Điều 42 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

Chi tiết Nghị định xem tại: bit.ly/btcs00109



Công trường khai thác đá ở Hà Giang
Ảnh: Hoàng Văn Chiên/PanNature

QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ ĐẤT ĐAI

Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước

NGÀY 27/11/2013, CHÍNH PHỦ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 201/2013/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC SỐ 17/2012/QH13.

Nghị định quy định việc lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; điều tra cơ bản tài nguyên nước; cấp phép về tài nguyên nước; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước; tổ chức lưu vực sông và việc điều phối giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông.

Theo đó, các dự án có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phải lấy ý kiến bao gồm: công trình hồ, đập có tổng dung tích từ 500 triệu m³ trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 10 m³/giây trở lên; công trình chuyển nước giữa các nguồn nước; công trình hồ, đập làm gián đoạn dòng chảy tự nhiên của sông, suối trên một đoạn có chiều dài từ 01 km trở lên; công trình xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 10.000 m³/ngày đêm trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng từ 12.000 m³/ngày đêm trở lên. Nếu các công trình này có yếu tố bí mật quốc gia thì không phải thực hiện việc lấy ý kiến.

Thời điểm lấy ý kiến được thực hiện ngay trong quá trình lập dự án đầu tư hoặc trong quá trình thăm dò đối với công trình khai thác nước ngầm.

Việc lấy ý kiến do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đối với các công trình khai thác, sử dụng nguồn nước nội tỉnh, xả nước thải vào nguồn nước nội tỉnh/công trình chuyển nước/công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất; và do Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đối với các công trình khai thác, sử dụng nguồn nước liên tỉnh, xả nước thải vào nguồn nước liên tỉnh/ công trình chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh.

Về trình tự lấy ý kiến, sau khi nhận được hồ sơ tài liệu của chủ dự án, trong thời gian 30 ngày, Phòng TN-MT có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức việc lấy ý kiến. Đối với dự án quy mô liên tỉnh, trong thời gian 40 ngày, Sở TN&MT giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc lấy ý kiến. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, chủ dự án hoàn chỉnh phương án xây dựng công trình gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận về quy mô, phương án xây dựng công trình trước khi lập dự án đầu tư. Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả.

Ngoài việc lấy ý kiến, khi khai thác, sử dụng tài nguyên nước, chủ dự án phải công bố công khai các thông tin về mục đích; nguồn nước khai thác, sử dụng; vị trí công trình khai thác, phương thức khai thác; lượng nước khai thác, sử dụng; các đặc tính cơ bản của hồ, đập trong trường hợp xây dựng hồ, đập.

Niêng đối với việc xả nước thải, chủ dự án phải công khai thông tin về loại nước thải, nguồn nước tiếp nhận nước thải; vị trí xả nước thải; lưu lượng, phương thức xả nước thải; giới hạn thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải.

Nghị định 201 cũng quy định thành lập Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước để tư vấn cho Chính phủ những quyết định quan trọng về tài nguyên nước, đồng thời quy định trách nhiệm của Tổ chức lưu vực sông trong việc đề xuất, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền việc điều hòa, phân phối nguồn nước, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, việc phòng, chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra trên một số lưu vực sông liên tỉnh. Thủ tướng Chính phủ sẽ quyết định việc thành lập các tổ chức lưu vực sông Hồng - Thái Bình, sông Mê Kông theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ TN&MT.

Nghị định này cũng quy định các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước để phát điện thương mại hoặc khai thác nước mặt, nước dưới đất, nước biển để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp hoặc khai thác nước dưới đất với quy mô từ 20 m³/ngày đêm trở lên để trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản đều phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định mức thu, phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý, sử dụng tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2014, thay thế các Nghị định: số 179/1999/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật tài nguyên nước; số 149/2004/NĐ-CP quy định việc cấp phép tài nguyên nước và Điều 2 của Nghị định số 38/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, số 149/2004/NĐ-CP và số 160/2005/NĐ-CP.

Ngoài ra, Nghị định 201 cũng bãi bỏ các quy định của Nghị định số 112/2008/NĐ-CP về quản lý, bảo vệ và khai thác tổng hợp tài nguyên môi trường hồ chứa thủy điện, thủy lợi và Nghị định số 120/2008/NĐ-CP về quản lý lưu vực sông trái với quy định của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và Nghị định 201.

Chi tiết Nghị định xem tại: bit.ly/btcs00110

Xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa

NGÀY 12/11/2013, CHÍNH PHỦ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 162/2013/NĐ-CP QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRÊN CÁC VÙNG BIỂN, ĐẢO VÀ THỀM LỤC ĐỊA CỦA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 137/2004/NĐ-CP QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRÊN CÁC VÙNG BIỂN VÀ THỀM LỤC ĐỊA CỦA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

Nghị định gồm 4 chương, 36 điều, trong đó có 23 điều quy định chi tiết về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả. Nội dung còn lại quy định về thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa.

Nghị định mới quy định ba nhóm hành vi vi phạm: vi phạm các quy định về quản lý vùng biển, đảo và thềm lục địa; vi phạm quy định về hàng hải ngoài vùng nước cảng biển; vi phạm quy định về BVMT biển.

So với Nghị định 134, Nghị định 162 bổ sung một số hành vi vi phạm mới như: vi phạm quy định về điều tra, thăm dò trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa; vi phạm quy định về đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và khai thác dòng chảy, năng lượng gió trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa; vi phạm quy định về đăng kiểm và giấy phép vận tải nội địa của tàu biển.

Về mức xử phạt, Nghị định áp mức xử phạt tối thiểu và tối đa cao hơn nhiều so với các hành vi vi phạm tương ứng được quy định tại Nghị định 134. Trong đó, mức phạt tối đa đối với vi phạm của cá nhân lên tới 1 tỷ đồng và 2 tỷ đồng đối với tổ chức.

Đa phần mức phạt tối đa được áp dụng đối với các hành vi vi phạm thuộc nhóm quản lý vùng biển, đảo và thềm lục địa, đơn cử như: hành vi thu thập thông tin trái phép liên quan đến quốc phòng, an ninh của Việt Nam hoặc luyện tập, diễn tập trái phép; xâm phạm vùng biển, đảo và thềm lục địa để du lịch, điều tra, thăm dò và nghiên cứu khoa học tài nguyên biển; gây cản trở hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và các loại tài nguyên khác trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa...

Ngoài ra, nhóm vi phạm về BVMT biển cũng có hai mức phạt tối đa, được áp dụng trong trường hợp đổ chất thải nguy hại, chất thải có chứa chất phóng xạ xuống các vùng biển, đảo và thềm lục địa; chuyển giao, cho, bán không đúng quy định hoặc nhận chìm, đổ, thải chất thải nguy hại hoặc nhận chìm, đổ, thải

chất thải phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường biển.

Một số hành vi khác có mức xử phạt khá cao như: hành vi đổ các loại chất thải xuống vùng biển thuộc khu bảo tồn thiên nhiên, di sản tự nhiên, vùng có hệ sinh thái tự nhiên mới, khu vực sinh sản thường xuyên hoặc theo mùa của các loài thủy, hải sản bị phạt từ 250 đến 500 triệu đồng; hành vi đổ chất thải rắn hoặc chất thải từ hoạt động nạo vét xuống biển trái phép bị phạt từ 150 đến 250 triệu đồng; không có kế hoạch ứng phó sự cố dầu tràn bị phạt phạt từ 10 đến 20 triệu đồng...

Nghị định 162 bổ sung thẩm quyền xử lý vi phạm cho lực lượng Bộ đội Biên phòng, Thanh tra hàng hải, Cảng vụ, Cục trưởng Cục Hàng hải và Kiểm ngư, đồng thời quy định cụ thể người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.

Chi tiết Nghị định xem tại: bit.ly/btcs00111



Ảnh: PanNature

Xét đề nghị của Bộ TN&MT, ngày 15/10/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1876/QĐ-TTg về việc phê duyệt danh mục các nhiệm vụ, dự án giai đoạn 2013 – 2020 thực hiện Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên – môi trường biển đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020. Theo đó, có 14 nhiệm vụ, dự án liên quan đến đo vẽ bản đồ; điều tra đặc điểm địa chất; giám sát một số vùng biển, đảo... được giao cho các đơn vị thuộc Bộ TN&MT, Bộ Công Thương, Bộ Quốc Phòng, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam... thực hiện. Kinh phí triển khai được cân đối và xác định cụ thể dựa trên cơ sở phê duyệt từng dự án khả thi theo quy định của pháp luật.

Luật Đất đai sửa đổi được Quốc hội thông qua

SAU 3 KỲ HỌP THẢO LUẬN, NGÀY 29/11/2013 QUỐC HỘI ĐÃ CHÍNH THỨC THÔNG QUA LUẬT ĐẤT ĐAI (SỬA ĐỔI) VỚI ĐA SỐ PHIẾU TÁN THÀNH. LUẬT ĐẤT ĐAI (SỬA ĐỔI) CÓ 14 CHƯƠNG VỚI 212 ĐIỀU, SO VỚI LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2003 TĂNG 7 CHƯƠNG VÀ 66 ĐIỀU.

Tiếp tục khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, Luật Đất đai 2013 quy định cụ thể hóa các quyền nghĩa vụ của Nhà nước và những bảo đảm của Nhà nước đối với người sử dụng đất.

Theo đó, Luật Đất đai sửa đổi bổ sung các quy định về quyền của Nhà nước trong việc quyết định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy định hạn mức sử dụng đất; thời hạn sử dụng đất; quyết định giao đất, cho thuê đất và công nhận quyền sử dụng đất; quyết định thu hồi đất để sử dụng vào các mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; quyết định trưng dụng đất trong trường hợp cần thiết; quyết định giá đất và chính sách thu, chi tài chính về đất đai; điều tiết phân giá trị tăng thêm từ đất mà không do đầu tư của người sử dụng đất mang lại.

Luật quy định cơ quan tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất trong vùng quy hoạch.

So với Luật 2003, Luật sửa đổi thu hẹp các trường hợp được Nhà nước giao đất, chuyển cơ bản sang áp dụng hình thức thuê đất, thực hiện cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất khi giao đất. Các đơn vị hành chính sự nghiệp nếu tự chủ 100% kinh phí phải chuyển sang hình thức thuê đất, không được giao đất miễn phí như trước đây. Đối với các dự án nhà ở để bán, cho thuê, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đều áp dụng hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất. Việc lựa chọn chủ đầu tư để giao đất, cho thuê đất cũng được kiểm soát chặt chẽ hơn.

Luật sửa đổi mở rộng thời hạn giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp và hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đáp ứng yêu cầu tích tụ đất đai. Đồng thời, Luật sửa đổi làm rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ đất trồng lúa; có chính sách hỗ trợ những vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao; quy định trách nhiệm của người sử dụng đất trồng lúa trong việc sử dụng đất; trách nhiệm của chủ đầu tư dự án sử dụng vào đất trồng lúa.

Về thu hồi đất, Luật sửa đổi đã quy định theo hướng thu hẹp hơn các trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Theo đó, ngoài các dự án đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư, các trường hợp còn lại phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét về sự cần thiết phải thu hồi đất.

Về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi

đất, Luật đã bổ sung những quy định quan trọng, như quy định giá đất bồi thường là giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất; quy định điều kiện được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại và tài sản gắn liền với đất đối với từng loại đất và từng đối tượng cụ thể; quy định các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, gồm: hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, đào tạo, chuyển đổi nghề và tạo việc làm, hỗ trợ tái định cư và một số khoản hỗ trợ khác.

Về giá đất, Luật Đất đai sửa đổi đã bổ sung quy định về sự tham gia của cơ quan tư vấn giá đất trong Hội đồng thẩm định giá đất đồng thời quy định rõ nguyên tắc định giá đất theo mục đích sử dụng đất hợp pháp tại thời điểm định giá, theo thời hạn sử dụng đất, phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường hoặc thu nhập từ việc sử dụng đất. Khung giá đất, bảng giá đất được xây dựng định kỳ 5 năm một lần và được điều chỉnh khi thị trường có biến động.

Luật sửa đổi cũng đã bổ sung những nội dung cơ bản trong việc điều tra, đánh giá về tài nguyên đất đai để phục vụ cho kinh tế xã hội mà Luật Đất đai năm 2003 chưa có quy định cụ thể.

Luật Đất đai năm 2013 sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/7/2014.

Chi tiết Luật xem tại: bit.ly/btcs00121



Ảnh: PanNature

Ngày 15/10/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 126/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 49/2013/QH13 ngày 21/6/2013 của Quốc hội về kéo dài thời hạn sử dụng đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối của hộ gia đình, cá nhân. Nghị định quy định 02 trường hợp được kéo dài thời hạn sử dụng đất: (i) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối được Nhà nước giao khi thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993, Nghị định 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 và Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; (ii) Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được giao đất nông nghiệp theo quy định tại (i) và đang sử dụng đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối do được công nhận quyền sử dụng đất trong hạn mức được giao đất nông nghiệp; do nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trong hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân; do nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Chi tiết Nghị định xem tại: bit.ly/btcs00118

NĂNG LƯỢNG, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI

Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

NGHỊ ĐỊNH SỐ 134/2013/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC, AN TOÀN ĐẬP THỦY ĐIỆN, SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2013, thay thế Nghị định số 68/2010/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực và Nghị định số 73/2011/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Về mức xử phạt, Nghị định áp mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân trong lĩnh vực điện lực là 50 triệu đồng; trong lĩnh vực an toàn đập thủy điện và lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cùng là 100 triệu đồng. Mức phạt áp dụng với các hành vi vi phạm của tổ chức bằng hai lần mức phạt đối với cá nhân.

Ngoài ra, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung như: tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng làm phương tiện vi phạm; tước quyền sử dụng giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ có thời hạn; đình chỉ có thời hạn hoạt động tích nước hồ thủy điện và còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả.

Điểm đáng lưu ý là hầu hết các hành vi vi phạm được quy định tại Nghị định 134 đều có mức phạt cao hơn so với các hành vi tương ứng tại hai Nghị định bị thay thế. Trong đó, có một số hành vi thuộc lĩnh vực an toàn đập thủy điện được bổ sung mới như: hành vi vi phạm quy định về quản lý vận hành đập thủy điện; về bảo đảm an toàn đập thủy điện và vùng hạ du; về bảo đảm an toàn vùng phụ cận bảo vệ đập thủy điện.

Liên quan đến nhóm hành vi này, Nghị định quy định một số mức xử phạt cụ thể như: hành vi không có quy trình bảo trì đập thủy điện bị phạt từ 20 đến 25 triệu đồng; không có quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, hoặc vận hành không đúng quy trình vận hành hồ chứa thủy điện được phê duyệt bị phạt từ 30 đến 35 triệu đồng; hành vi không thực hiện việc cảnh báo, thông báo trước cho dân



Đập thủy điện Na Hang, Tuyên Quang
Ảnh: Hoàng Văn Chiên/PanNature

cư và chính quyền địa phương về việc xả lũ hồ chứa thủy điện hoặc không có phương án phòng chống lũ lụt cho vùng hạ du đập thủy điện do xả lũ khẩn cấp hoặc tình huống vỡ đập thủy điện được phê duyệt bị phạt từ 25 đến 30 triệu đồng... Đặc biệt, hành vi không thực hiện kiểm định an toàn đập thủy điện theo quy định sẽ bị phạt từ 90 đến 100 triệu đồng.

Đối với lĩnh vực điện lực và lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, về cơ bản, Nghị định 134 giữ nguyên các nhóm hành vi vi phạm được quy định tại hai Nghị định 68 và 73. Trong đó, về lĩnh vực điện lực, Nghị định 134 sửa đổi, lược bỏ một số hành vi vi phạm liên quan đến giấy phép hoạt động điện lực; xây dựng, lắp đặt công trình điện; sử dụng điện; an toàn điện... Tương tự, Nghị định cũng lược bỏ, sửa đổi một số hành vi vi phạm liên quan đến việc đào tạo và cấp chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng, hành vi cản trở hoạt động công vụ của người có thẩm quyền thuộc lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Về thẩm quyền xử phạt, Nghị định 134 giữ nguyên thẩm quyền xử phạt được quy định tại hai Nghị định bị thay thế, đồng thời bổ sung thẩm quyền xử phạt cho Ủy ban nhân dân các cấp, Thanh tra, Công an nhân dân trong lĩnh vực an toàn đập thủy điện.

Chi tiết Nghị định xem tại: bit.ly/btcs00115



Quy định về Khung hướng dẫn lựa chọn ưu tiên thích ứng biến đổi khí hậu

NHÀM HỖ TRỢ, TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CHO CÁN BỘ KẾ HOẠCH VÀ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH VỀ THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG, NGÀY 17/10/2013, BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 1485/QĐ-BKHĐT VỀ KHUNG HƯỚNG DẪN LỰA CHỌN ƯU TIÊN THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.

Theo đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư các địa phương căn cứ vào đặc điểm, tình hình từng ngành, lĩnh vực, đơn vị để tổ chức nghiên cứu, áp dụng công cụ ưu tiên thích ứng với biến đổi khí hậu và lồng ghép các ưu tiên trong quá trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương theo Khung hướng dẫn.

Điểm đáng lưu ý là Khung hướng dẫn không nhằm tới việc lập danh mục các dự án tiềm năng về thích ứng với biến đổi khí hậu mà đưa ra các tiêu chí về thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm giúp sàng lọc, xếp hạng ưu tiên các hoạt động, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đặc biệt, Khung hướng dẫn chỉ áp dụng cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Các hoạt động giảm thiểu phát thải khí nhà kính không thuộc phạm vi áp dụng của Khung hướng dẫn.

Theo nội dung Khung hướng dẫn, quy trình lựa chọn ưu tiên đầu tư thích ứng với biến đổi khí hậu bao gồm 4 bước: khẳng định các mục tiêu ưu tiên thích ứng với biến đổi khí hậu và chỉ số đo lường lợi ích thích ứng trực tiếp; phân loại và sàng lọc hoạt động, dự án; chấm điểm các hoạt động, dự án khẩn cấp; xếp hạng ưu tiên các loại hoạt động, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu để phân bổ ngân sách.

Về việc lồng ghép ưu tiên đầu tư thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Khung hướng dẫn nêu rõ quy trình lập kế hoạch, đồng thời mô tả chi tiết các bước lồng ghép các kết quả ưu tiên hóa vào quá trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm.

Chi tiết Quyết định xem tại: bit.ly/btcs00116

Ngày 19/9/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1628/QĐ-TTg phê duyệt Khung ma trận chính sách năm 2013 thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu (SP-RCC) như kiến nghị của Bộ TN&MT. Theo đó, Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu Khung ma trận chính sách năm 2013 đề ra 8 mục tiêu tổng thể và các mục tiêu cụ thể. Một số nội dung hành động chính sách đáng chú ý trong Khung ma trận, gồm: tăng cường giảm nhẹ rủi ro thiên tai, cảnh báo sớm và quan trắc khí hậu; tăng cường năng lực quản lý tài nguyên nước; tăng cường quản lý rừng và bảo tồn đa dạng sinh học; thúc đẩy sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo...

Ngày 04/10/2013, Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương phê duyệt Quyết định số 257/QĐ/PCLBTW về việc ban hành Khung theo dõi và đánh giá việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020. Khung theo dõi và đánh giá được thiết kế theo dạng bảng với tổng cộng 138 chỉ số được chia thành 10 nhóm, mỗi nhóm tương ứng với một hoạt động trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Thông báo số 1820/TTG-KTN ngày 29/9/2009. Ngoài việc chi tiết hóa mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể, Khung theo dõi và đánh giá cũng giải thích chi tiết cách thu nhập và tính toán 138 chỉ số đánh giá.

Xử phạt vi phạm hành chính về khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều; phòng, chống lụt, bão

NGHỊ ĐỊNH SỐ 139/2013/NĐ-CP NGÀY 22/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI; ĐÊ ĐIỀU; PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO.

Nghị định gồm 6 chương, 32 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 08/12/2013, thay thế các Nghị định: 140/2005/NĐ-CP quy định về xử phạt quy phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; 129/2007/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về đê điều; 04/2010/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão.

So với các Nghị định cũ, Nghị định 139 nâng mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống lụt, bão từ 40 triệu đồng lên 50 triệu đồng; đối với hành vi vi phạm về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi từ 20 triệu đồng lên 100 triệu đồng; đối với hành vi vi phạm về đê điều từ 30 triệu đồng lên 100 triệu đồng. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm của tổ chức bằng hai lần mức phạt tiền áp dụng đối với cá nhân.

Theo Nghị định 139 hành vi khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hoặc chôn chất thải trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bị phạt từ 20 đến 30 triệu đồng; sử dụng chất nổ trong phạm vi bảo vệ công trình phòng, chống lụt, bão bị phạt từ 30 đến 50 triệu đồng; hành vi neo đậu trái phép vào công trình phòng, chống lụt, bão bị phạt từ 2,5 đến 5 triệu đồng; phạt từ 3 đến 5 triệu đồng đối với hành vi

không chủ động cứu giúp hoặc không thông tin kịp thời để lực lượng khác đến ứng cứu người, phương tiện bị nạn trên biển, sông, suối, ao, hồ khi có điều kiện; phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200 đến 300 nghìn đồng đối với hành vi không chấp hành yêu cầu thực hiện sơ tán để đảm bảo an toàn...

Ngoài một số điểm mới nêu trên, Nghị định 139 cũng loại bỏ một số hành vi được quy định tại các Nghị định cũ như: hành vi vi phạm về bảo vệ chất lượng nước, phòng, chống ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi; về thu, nộp, sử dụng thủy lợi phí; về cấp phép theo Luật Đê điều...

Về thẩm quyền xử phạt, Nghị định bổ sung thẩm quyền cho lực lượng Công an nhân dân, Cảnh sát biển, Biên phòng trong việc xử lý vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và lĩnh vực đê điều.

Chi tiết Nghị định xem tại: bit.ly/btcs00112

Ngày 13/11/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 173/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, thay thế Nghị định số 61/2008/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn và Nghị định số 30/2005/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đo đạc và bản đồ. Một trong những điều chỉnh của Nghị định này so với Nghị định được thay thế là gia tăng mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm, trong đó các nhóm hành vi về đưa tin dự báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ; cung cấp thông tin vận hành hồ chứa cho cơ quan dự báo khí tượng thủy văn; khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn đều có điều chỉnh theo hướng tăng mức xử phạt tối đa.

Chi tiết Nghị định xem tại: bit.ly/btcs00114



Công trình thủy lợi ở Nghệ An
Ảnh: Nguyễn Việt Dũng/PanNature



Tăng cường công tác quản lý, đảm bảo an toàn hồ chứa nước

NHẪM KHẮC PHỤC NHỮNG TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, NGÀY 14/10/2013, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH CHỈ THỊ SỐ 21/CT-TTG YÊU CẦU CÁC BỘ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ NƠI CÓ HỒ CHỨA RÀ SOÁT HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LỆT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, ĐỒNG THỜI CHẤM CHỈNH CÔNG TÁC QUY HOẠCH CÁC DỰ ÁN CHƯA TRIỂN KHAI XÂY DỰNG, KIẾN QUYẾT DỪNG CÁC DỰ ÁN HIỆU QUẢ THẤP, ẢNH HƯỞNG LỚN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI.

Cụ thể, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần chỉ đạo xây dựng, phê duyệt phương án phòng chống lũ, lụt, đảm bảo an toàn dân cư vùng hạ du trong các tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập, đặc biệt là đối với các hồ chứa có dung tích lớn.

Bộ NN&PTNT khẩn trương hoàn thành dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập để trình Chính phủ trong tháng 12/2013, đồng thời nghiên cứu mô hình Hội đồng an toàn đập phù hợp để tăng cường quản lý an toàn đập và hoàn chỉnh Đề án xây dựng hệ thống thông tin giám sát hồ chứa phục vụ phòng, chống thiên tai, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Bộ Công Thương tiếp tục rà soát các dự án chưa triển khai xây dựng, kiên quyết, dừng thực hiện các dự án hiệu quả thấp, ảnh hưởng lớn đến môi trường, xã hội, không bảo đảm phát triển bền vững.

Bộ TN&MT tiếp tục xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông theo Quyết định số 1879/QĐ-TTg ngày 13/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Chi tiết Chỉ thị xem tại: bit.ly/btcs00113

Theo kết quả chương trình giám sát Quốc hội, có tới 30% thủy điện nhỏ chưa được kiểm định về mặt an toàn, 66% chưa có phương án bảo vệ được phê duyệt và 55% số đập chưa có phương án phòng chống lụt, bão. Thêm vào đó, việc hàng loạt các sự cố vỡ đập, nứt đập, xả lũ xảy ra trong thời gian qua đã tiếp tục đẩy lên những mối quan ngại về vấn đề an toàn và quản lý, vận hành đập.

Ngày 25/11/2013, Mạng lưới Sông ngòi Việt Nam (VRN), Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature), Trung tâm Phát triển Tài nguyên nước và Thích nghi Biến đổi khí hậu (CEWAREC) và Trung tâm Hỗ trợ Quản lý Tổng hợp Tài nguyên nước (CIWAREM) đã gửi Bản kiến nghị tới Quốc hội với 5 đề xuất: cần thắt chặt việc quản lý đối với công tác xây dựng thủy điện; quy định rõ trách nhiệm và thẩm quyền của các bên liên quan; tiếp tục rà soát quy hoạch phát triển thủy điện; thực hiện các đánh giá thiệt hại liên quan đến thủy điện; thực hiện nghiêm công tác Đánh giá môi trường chiến lược đối với các quy hoạch thủy điện các lưu vực sông. Ngoài ra, việc cho phép cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư phát triển thủy điện trên các lưu vực sông liên quốc gia chung với Việt Nam cũng như việc phát triển thủy điện của các nước trong khu vực có ảnh hưởng tới Việt Nam cũng cần được nghiên cứu, xem xét đầy đủ. (*Tham khảo chi tiết tại: bit.ly/nature002*)

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KHÁC

Sửa đổi, bổ sung một số quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế

SAU 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 29/2008/NĐ-CP QUY ĐỊNH VỀ KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT VÀ KHU KINH TẾ, NGÀY 12/11/2013, CHÍNH PHỦ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 164/2013/NĐ-CP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH NÀY.

So với Nghị định cũ, Nghị định 164 giải thích rõ hơn các khái niệm về khu kinh tế ven biển; khu kinh tế cửa khẩu; diện tích đất công nghiệp; tỷ lệ lấp đầy của khu công nghiệp.

Ngoài ra, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nội dung trọng tâm về điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghiệp; bổ sung khu công nghiệp vào quy hoạch tổng thể; trình tự thành lập, mở rộng khu kinh tế; điều chỉnh diện tích khu công nghiệp...

Về điều kiện cấp giấy chứng nhận đầu tư mở rộng khu công nghiệp, ngoài quy định phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghiệp và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt như quy định cũ, Nghị định 164 bổ sung quy định phải đạt tỷ lệ lấp đầy tối thiểu 60% và đã xây dựng, đưa vào sử dụng công trình xử lý nước thải tập trung.

Đối với khu công nghiệp có quy mô diện tích từ 200 ha trở lên (thay vì 500 ha như quy định cũ) hoặc có vị trí cạnh các tuyến quốc lộ, gần các khu vực quốc phòng, khu bảo tồn di tích lịch sử, khu danh lam thắng cảnh, khu bảo tồn sinh thái của vùng và quốc gia, nằm trong các đô thị loại II, loại I và loại đặc biệt thì phải có ý kiến bằng văn bản của Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan về quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Nghị định 164 cũng sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ về thực hiện ủy quyền, theo đó Ban quản lý khu công nghiệp có thể được ủy quyền nhiều hoạt động liên quan đến việc thu hồi, cấp giấy phép, chứng chỉ; điều chỉnh quy hoạch

chi tiết, tổ chức thực hiện thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong khu công nghiệp, khu kinh tế; cấp giấy xác nhận cho các đối tượng thuộc diện đăng ký bản cam kết BVMT hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế; thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận đề án BVMT chi tiết và đề án BVMT đơn giản cho các dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

Chi tiết Nghị định xem tại: bit.ly/btcs00117

Ngày 27/12/2013, Trung tâm Con người và Thiên nhiên, Viện Khoa học Môi trường và Phát triển đã phối hợp cùng các đối tác tổ chức Hội thảo Bảo vệ môi trường trong hệ thống các khu công nghiệp ở Việt Nam: Các lỗ hổng chính sách, vấn đề minh bạch thông tin và các tác động đối với cộng đồng. Hội thảo nhận định: Trong những năm qua, có quá nhiều các KCN-CCN đã được thành lập mặc dù tỷ lệ lấp đầy trong các khu đang hoạt động còn khá thấp. Thực trạng này không chỉ gây lãng phí đất đai mà còn tạo ra các hệ lụy cho sinh kế người dân. Bên cạnh đó, công tác BVMT đối với các KCN-CCN còn rất lỏng lẻo gây ra tình trạng ô nhiễm ở nhiều KCN-CCN, ảnh hưởng nặng nề đến sức khỏe cộng đồng và sinh kế của những người dân nghèo trực tiếp phụ thuộc các nguồn tài nguyên như đất và nước.

Tại Hội thảo, sáu tồn tại lớn trong phát triển các KCN-KCX ở Việt Nam đã được GS, TS. Võ Thanh Thu chỉ ra bao gồm: 1/ phát triển các KCN ồ ạt và hiệu quả thấp; 2/ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; 3/ thiếu trầm trọng nguồn nhân lực về cả số lượng và chất lượng; 4 /đa số các doanh nghiệp trong KCN thuộc ngành thâm dụng lao động hoặc ngành chế biến dễ gây ô nhiễm, 5/ hiện tượng quy hoạch "treo" các KCN còn khá phổ biến; và 6/ cơ sở hạ tầng trong và kết nối giữa KCN và ngoài KCN còn yếu kém.



Khu công nghiệp bỏ hoang ở Châu Thành, Nghệ An
Ảnh: Hoàng Văn Chiên/PanNature

TỔNG HỢP DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT BAN HÀNH TRONG QUÝ IV/2013

SỐ HIỆU	TÊN VĂN BẢN
	Hiến pháp Nước CHXHCN Việt Nam được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28/11/2013.
I. QUẢN TRỊ TÀI NGUYÊN RỪNG	
199/2013/NĐ-CP	Nghị định số 199/2013/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ NN&PTNT. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 15/01/2014</i>
157/2013/NĐ-CP	Nghị định số 157/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 25/12/2013</i>
2939/QĐ-BNN-TCCB	Quyết định số 2939/QĐ-BNN-TCCB của Bộ NN&PTNT về việc thành lập Ban quản lý dự án Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013-2016. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 12/12/2013</i>
II. QUẢN LÝ VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	
160/2013/NĐ-CP	Nghị định số 160/2013/NĐ-CP của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 01/01/2014</i>
44/2013/TT-BNNPTNT	Thông tư số 44/2013/TT-BNNPTNT bãi bỏ Điều 6 và sửa đổi Điều 15 Thông tư số 29/2013/TT-BNNPTNT của Bộ NN&PTNT quy định thành lập và quản lý khu bảo tồn biển cấp tỉnh. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 12/12/2013</i>
2140/QĐ-BTNMT	Quyết định số 2140/QĐ-BTNMT về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TN&MT. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 06/11/2013</i>
3652/BNN-TCLN	Công văn số 3652/BNN-TCLN của Bộ NN&PTNT về việc phối hợp hướng dẫn xử lý hành vi buôn lậu, vận chuyển, tàng trữ ngà voi, sừng tê giác. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 10/10/2013</i>
2329/QĐ-BNN-TCLN	Công văn số 2329/QĐ-BNN-TCLN của Bộ NN&PTNT về việc phê duyệt dự án “Khẩn cấp bảo tồn voi và nâng cao năng lực kiểm soát buôn bán ngà voi ở Việt Nam đến năm 2020”. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 09/10/2013</i>
2020/QĐ-UBND	Quyết định số 2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Khu Bảo tồn Sao La. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 09/10/2013</i>

SỐ HIỆU	TÊN VĂN BẢN
III. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG	
42/2013/TT-BTNMT	Thông tư 42/2013/TT-BTNMT về việc hướng dẫn thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận do Bộ trưởng Bộ TN&MT ban hành. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 20/01/2014</i>
32/2013/TT-BTNMT	Thông tư số 32/2013/TT-BTNMT của Bộ TN&MT về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 01/01/2014</i>
178/2013/NĐ-CP	Nghị định số 178/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 31/12/2013</i>
163/2013/NĐ-CP	Nghị định số 163/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 31/12/2013</i>
2685/QĐ-BTNMT	Quyết định số 2685/QĐ-BTNMT của Bộ TN&MT về việc công bố 10 sự kiện nổi bật của ngành tài nguyên và môi trường năm 2013 <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 30/12/2013</i>
179/2013/NĐ-CP	Nghị định số 179/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 30/12/2013</i>
34/2013/TT-BTNMT	Thông tư số 34/2013/TT-BTNMT của Bộ TN&MT quy định về giao nộp, thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu môi trường. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 15/12/2013</i>
31/2013/TT-BYT	Thông tư số 31/2013/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quan trắc tác động môi trường từ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của bệnh viện. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 01/12/2013</i>
28/2013/TTLT-BTNMT-BTC-BKHĐT	Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BTNMT-BTC-BKHĐT của Bộ TN&MT, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012 - 2015. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 01/12/2013</i>
29/2013/TT-BTNMT	Thông tư số 29/2013/TT-BTNMT của Bộ TN&MT về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 25/11/2013</i>
114/2013/NĐ-CP	Nghị định số 114/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 20/11/2013</i>
1788/QĐ-TTg	Quyết định 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020 <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 01/10/2013</i>

SỐ HIỆU	TÊN VĂN BẢN
IV. QUẢN TRỊ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN	
203/2013/NĐ-CP	Nghị định số 203/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 20/01/2014</i>
142/2013/NĐ-CP	Nghị định số 142/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 25/12/2013</i>
V. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ ĐẤT ĐAI	
201/2013/NĐ-CP	Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 01/02/2014</i>
162/2013/NĐ-CP	Nghị định số 162/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 01/01/2014</i>
1876/QĐ-TTg	Quyết định số 1876/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục các nhiệm vụ, dự án giai đoạn 2013 - 2020 thực hiện Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên - môi trường biển đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020.
45/2013/QH13	Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2013. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 01/7/2014</i>
126/2013/NĐ-CP	Nghị định số 126/2013/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 49/2013/QH13 của Quốc hội về kéo dài thời hạn sử dụng đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối của hộ gia đình, cá nhân. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 15/10/2013</i>
VI. NĂNG LƯỢNG, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI	
173/2013/NĐ-CP	Nghị định số 173/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 01/01/2014</i>
139/2013/NĐ-CP	Nghị định số 139/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều; phòng, chống lụt, bão. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 08/12/2013</i>
134/2013/NĐ-CP	Nghị định số 134/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 01/12/2013</i>

SỐ HIỆU	TÊN VĂN BẢN
1485/QĐ-BKHĐT	Quyết định số 1485/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Khung hướng dẫn lựa chọn ưu tiên thích ứng biến đổi khí hậu trong lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 17/10/2013</i>
1628/QĐ-TTg	Quyết định số 1628/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung ma trận chính sách năm 2013 thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu (SP-RCC).
21/CT-TTg	Chỉ thị số 21/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý, đảm bảo an toàn hồ chứa nước.
VII. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KHÁC	
41/2013/TT-BTNMT	Thông tư số 41/2013/TT-BTNMT của Bộ TN&MT quy định trình tự, thủ tục, chứng nhận nhãn sinh thái cho sản phẩm thân thiện với môi trường. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 15/01/2014</i>
164/2013/NĐ-CP	Nghị định số 164/2013/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 01/01/2014</i>
2621/QĐ-TTg	Quyết định số 2621/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 31/12/2013</i>
137/2013/NĐ-CP	Nghị định số 137/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 10/12/2013</i>
42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT	Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT của Bộ NN&PTNT, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. <i>Hiệu lực thi hành: từ ngày 29/11/2013</i>
VIII. CÁC DỰ THẢO CHÍNH SÁCH ĐANG XÂY DỰNG	
Dự thảo Luật Bảo vệ Môi trường	
Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai	
Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 32/2006/NĐ-CP sửa đổi	
Dự thảo Chiến lược quản lý hệ thống Khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	



Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) là tổ chức phi lợi nhuận hoạt động nhằm bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng và phong phú của thiên nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương thông qua tìm kiếm, quảng bá, thực hiện các giải pháp bền vững và thân thiện môi trường.

THE MCKNIGHT FOUNDATION

MacArthur
Foundation

► Quý vị có nguyện vọng đăng ký nhận bản tin hoặc đóng góp ý kiến cho chúng tôi, xin vui lòng liên hệ với:

Phòng Nghiên cứu Chính sách
TRUNG TÂM CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN

Số 24 H2, Khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa,
quận Cầu Giấy, Hà Nội

Hòm thư 612, Bưu điện Hà Nội

ĐT: (04) 3556-4001 • **Fax:** (04) 3556-8941

Email: policy@nature.org.vn

Website: www.nature.org.vn

Chịu trách nhiệm về nội dung và xuất bản: **Trung tâm Con người và Thiên nhiên**
Giấy phép xuất bản số 17/GP-XBBT do Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày
26/02/2014. ISSN 0866 – 7810. In xong và nộp lưu chiểu Quý I/2014.

Graphic Design: hoanganh267@gmail.com